

Số: /BC-UBND

Kiên Lao, ngày 26 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023;
Dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024.**
(trình Kỳ họp thứ 9 HĐND xã)

Căn cứ Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2022 của UBND huyện Lục Ngạn "V/v giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước huyện Lục Ngạn năm 2023;

UBND xã Kiên Lao báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 như sau:

Phần thứ nhất

Tình hình ước thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2023

A. Đặc điểm tình hình

Năm 2023 nằm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới giai đoạn 2022-2025. Tình hình hoạt động kinh doanh, sản xuất của các doanh nghiệp và các hộ kinh doanh trên địa bàn xã đã có sự phục hồi và phát triển, tuy nhiên vẫn còn gặp nhiều khó khăn; thị trường giao dịch bất động sản chưa có dấu hiệu phục hồi làm ảnh hưởng đến nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn xã; nguồn thu chủ yếu dựa vào trợ cấp của ngân sách cấp trên; song dưới sự chỉ đạo sát sao của Đảng ủy, HĐND, sự điều hành kịp thời và hiệu quả của UBND xã, năm 2023 công tác điều hành ngân sách đã đáp ứng được yêu cầu đặt ra, phục vụ kịp thời các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

B. Kết quả thu, chi ngân sách năm 2023

I. Ước thu ngân sách:

Tổng thu ngân sách năm 2023 ước đạt: 6.775.364.983 đồng, đạt 125,48% so với dự toán giao đầu năm, cụ thể:

1. Thu ngân sách tại địa bàn trong dự toán giao đầu năm

Dự toán thu ngân sách tại địa bàn đầu năm giao 298.000.000 đồng; ước thu: 342.810.466 đồng, đạt 115,04% (thu điều tiết ngân sách xã: 213.246.922 đồng, đạt 144,09%). Chi tiết các khoản thu như sau:

- 1.1. Thu thuế GTGT+ TNDN: 21.926.667 đồng, đạt 109,63%
- 1.2. Thu thuế thu nhập cá nhân: 168.762.477 đồng, đạt 163,39%
- 1.3. Thu lệ phí trước bạ: 39.017.944 đồng, đạt 130,06%
- 1.4. Lệ phí môn bài: 8.300.000 đồng, đạt 166%
- 1.5. Thu phí, lệ phí: 16.570.000 đồng, đạt 110,47%
- 1.6. Thu tiền sử dụng đất : 27.950.000 đồng, đạt 8%
- 1.7. Thu khác tại xã : 8.000.000 đồng, đạt 32%
- 1.8. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 2.283.378 đồng, đạt 76,11%
- 1.9. Thu khác từ đất : 50.000.000 đồng.

2. Các khoản thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 5.776.661.000 đồng

2.1. Trợ cấp cân đối ngân sách: 4.756.313.000 đồng

2.2. Bổ sung có mục tiêu: 1.020.348.000 đồng

3. Thu chuyển nguồn ngân sách: 655.893.517 đồng.

| ST T | Nội dung thu | Tỷ lệ điều tiết (%) | Dự toán đầu năm giao | Ước thực hiện | Tỷ lệ (%) | Dự toán đầu năm giao | Ước thực hiện | Tỷ lệ (%) |
|------------------------------|--|---------------------------------|-------------------------|----------------------|---------------|-------------------------|----------------------|---------------|
| | | | Thu NSNN | | | Thu NSX | | |
| Tổng số thu ngân sách | | | 5.399.661.000 | 6.775.364.983 | 125,48 | 5.249.661.000 | 6.645.801.439 | 126,59 |
| I | Các khoản thu trên địa bàn xã | | 298.000.000 | 342.810.466 | 115,04 | 148.000.000 | 213.246.922 | 144,09 |
| 1 | Thu thuế GTGT+TNDN | 100 | 20.000.000 | 21.926.667 | 109,63 | 20.000.000 | 21.926.667 | 109,63 |
| 2 | Thu thuế thu nhập cá nhân | 55 | 100.000.000 | 168.762.477 | 168,76 | 55.000.000 | 89.862.905 | 163,39 |
| 3 | Thu lệ phí trước bạ | 50 | 30.000.000 | 39.017.944 | 130,06 | 15.000.000 | 19.508.972 | 130,06 |
| 4 | Lệ phí môn bài | 100 | 5.000.000 | 8.300.000 | 166 | 5.000.000 | 8.300.000 | 166,00 |
| 5 | Thu phí, lệ phí | 100 | 15.000.000 | 16.570.000 | 110,47 | 15.000.000 | 16.570.000 | 110,47 |
| 6 | Thu tiền sử dụng đất | 10 | 100.000.000 | 27.950.000 | 27,95 | 10.000.000 | 2.795.000 | 27,95 |
| 7 | Thu khác tại xã | 100 | 25.000.000 | 8.000.000 | 32 | 25.000.000 | 2.000.000 | 8,00 |
| 8 | Thuế sử dụng đất PNN | 100 | 3.000.000 | 2.283.378 | 76,11 | 3.000.000 | 2.283.378 | 76,11 |
| 9 | Thu khác từ đất | 100 | | 50.000.000 | | | 50.000.000 | |
| II | Trợ cấp bổ sung từ ngân sách cấp trên | 100 | 5.005.415.000 | 7.267.293.083 | 145,19 | 5.005.415.000 | 7.267.293.083 | 145,19 |
| 1 | Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên | 100 | 4.756.313.000 | 4.756.313.000 | 100 | 4.756.313.000 | 4.756.313.000 | 100 |
| 2 | Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên | 100 | 345.348.000 | 1.020.348.000 | 295,46 | 345.348.000 | 1.020.348.000 | 295,46 |
| III | Thu chuyển nguồn năm 2021 | | | 655.893.517 | | | 655.893.517 | |

II- Ước Chi ngân sách năm 2023:

Dự toán giao năm 2023 là **5.249.661.000 đồng**; Ước chi ngân sách xã năm 2023 là: **6.153.945.868 đồng** đạt 117,23% so với dự toán giao; gồm các lĩnh vực chi như sau:

1. Chi đầu tư phát triển: 0 đồng**2. Chi thường xuyên:**

- Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự: 502.872.630 đồng, đạt 101,84% dự toán

- Chi sự nghiệp văn hoá thông tin: 305.359.000 đồng, đạt 258,42% dự toán.

- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 17.924.000 đồng, đạt 100% dự toán
- Chi hoạt động trạm đài xã: 41.000.000 đồng, đạt 61,56% dự toán
- Chi sự nghiệp kinh tế: 456.576.000 đồng, đạt 316,63% dự toán
- Chi Sự nghiệp môi trường: 18.290.000 đồng, đạt 100% dự toán
- Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội: 54.280.000 đồng, đạt 60,56% dự toán.
- Chi quản lý nhà nước: 2.991.482.540 đồng, đạt 119,25% dự toán.
- Chi ngân sách Đảng: 692.264.838 đồng, đạt 109,01% dự toán.
- Chi Mặt trận tổ quốc: 284.647.291 đồng, đạt 114,5% dự toán.
- Chi Đoàn thanh niên: 164.322.180 đồng, đạt 97,46% dự toán.
- Chi Hội phụ nữ: 168.762.216 đồng, đạt 110,95% dự toán.
- Chi Hội nông dân: 178.709.380 đồng, đạt 106% dự toán.
- Chi Hội cựu chiến binh: 174.180.193 đồng, đạt 92,6% dự toán.
- Chi Hội chữ thập đỏ: 8.500.000 đồng, đạt 100% dự toán.
- Chi Hội người cao tuổi: 72.457.600 đồng, đạt 99,94% dự toán
- Chi khác ngân sách: 22.318.000 đồng, đạt 100% dự toán.

| STT | Nội dung chi | Dự toán giao năm 2023 | Bổ sung, điều chỉnh trong năm | Ước thực hiện | Tỷ lệ % |
|-----------|---|-----------------------|-------------------------------|----------------------|---------------|
| | Tổng số chi ngân sách | 5.249.661.000 | 1.096.961.487 | 6.153.945.868 | 117,23 |
| I | Chi đầu tư XDCB | 10.000.000 | | 0 | 0,00 |
| II | Chi thường xuyên | 5.121.578.000 | 1.096.961.487 | 6.153.945.868 | 120,16 |
| 1 | Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự | 493.802.000 | 10.221.402 | 502.872.630 | 101,84 |
| <i>a</i> | <i>Chi quân sự</i> | <i>328.648.000</i> | <i>10.221.402</i> | <i>337.718.630</i> | <i>102,76</i> |
| | Hoạt động | 37.250.000 | 2.736.000 | 39.986.000 | |
| | Phụ cấp | 85.500.000 | 7.485.402 | 80.848.630 | |
| | Huấn luyện (76 dân quân) | 205.898.000 | | 216.884.000 | |
| <i>b</i> | <i>Chi an ninh trật tự</i> | <i>165.154.000</i> | <i>0</i> | <i>165.154.000</i> | <i>100,00</i> |
| | <i>Hoạt động</i> | <i>28.654.000</i> | | <i>28.654.000</i> | |
| | <i>Phụ cấp (đội trưởng, đội phó dân phòng)</i> | <i>136.500.000</i> | | <i>136.500.000</i> | |
| 2 | Chi sự nghiệp Văn hoá (2 = 2.1 + 2.2+2.3) | 118.163.000 | 187.196.000 | 305.359.000 | 258,42 |
| 2.1 | Hoạt động văn hóa | 48.163.000 | 187.196.000 | 235.359.000 | |
| 2.2 | Chi hoạt động cụm dân cư | 50.000.000 | | 50.000.000 | |
| 2.3 | Đời sống văn hoá khu dân cư | 20.000.000 | | 20.000.000 | |
| 3 | Chi sự nghiệp thể dục thể thao | 17.924.000 | | 17.924.000 | 100,00 |
| 4 | Chi hoạt động trạm đài | 66.600.000 | -25.000.000 | 41.000.000 | 61,56 |
| 5 | Chi sự nghiệp kinh tế | 144.198.000 | 312.378.000 | 456.576.000 | 316,63 |
| 5.1 | Hoạt động nông nghiệp | 30.000.000 | 426.576.000 | 456.576.000 | |
| 5.2 | Hoạt động vận tải đường bộ | 114.198.000 | -114.198.000 | 0 | |
| 6 | Chi sự nghiệp Môi trường | 18.290.000 | | 18.290.000 | 100,00 |

| | | | | | |
|-----------|---|----------------------|--------------------|----------------------|---------------|
| 7 | Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội | 89.635.000 | -35.355.000 | 54.280.000 | 60,56 |
| 7.1 | Chi thực hiện chính sách người có công với CM | 59.959.000 | -38.517.000 | 21.442.000 | |
| 7.2 | Chi lương hưu | 29.676.000 | 3.162.000 | 32.838.000 | |
| 8 | Chi quản lý nhà nước | 2.508.648.000 | 491.810.605 | 2.991.482.540 | 119,25 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 2.015.648.000 | 236.715.799 | 2.252.363.799 | |
| - | Hoạt động của HĐND&UBND xã | 493.000.000 | 255.094.806 | 739.118.741 | |
| 9 | Chi ngân sách Đảng | 635.000.000 | 73.368.818 | 692.264.838 | 109,02 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 575.000.000 | 58.368.818 | 617.264.838 | |
| - | Chi hoạt động của Đảng | 54.000.000 | 15.000.000 | 69.000.000 | |
| - | Kinh phí hoạt động UB kiểm tra Đảng | 6.000.000 | | 6.000.000 | |
| 10 | Mặt trận tổ quốc | 248.600.000 | 23.591.248 | 284.647.291 | 114,50 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 218.000.000 | 23.591.248 | 254.047.291 | 116,54 |
| - | Chi hoạt động của ban giám sát cộng đồng | 10.000.000 | | 10.000.000 | |
| - | Chi hoạt động của ban thanh tra nhân dân | 6.000.000 | | 6.000.000 | |
| - | Chi hoạt động UBMTTQ xã | 14.600.000 | | 14.600.000 | 100,00 |
| 11 | Đoàn thanh niên | 168.600.000 | 14.166.228 | 164.322.180 | 97,46 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 156.500.000 | 14.166.228 | 152.222.180 | |
| - | Chi hoạt động | 12.100.000 | | 12.100.000 | |
| 12 | Hội phụ nữ | 152.100.000 | 15.694.308 | 168.762.216 | 110,95 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 140.000.000 | 15.694.308 | 156.662.216 | |
| - | Chi hoạt động | 12.100.000 | | 12.100.000 | |
| 13 | Hội nông dân | 168.600.000 | 14.000.220 | 178.709.380 | 106,00 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 144.500.000 | 14.000.220 | 154.609.380 | |
| - | Chi hoạt động | 12.100.000 | | 12.100.000 | |
| - | Chi tổ chức Đại hội | 12.000.000 | | 12.000.000 | |
| 14 | Hội cựu chiến binh | 188.100.000 | 14.847.258 | 174.180.193 | 92,60 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 176.000.000 | 14.847.258 | 162.080.193 | |
| - | Chi hoạt động | 12.100.000 | | 12.100.000 | |

| | | | | | |
|----|---|-------------|--------|------------|--------|
| 15 | Hội chữ thập đỏ | 8.500.000 | | 8.500.000 | 100,00 |
| 16 | Hội người cao tuổi | 72.500.000 | 42.400 | 72.457.600 | 99,94 |
| | <i>Trong đó:</i> | | | | |
| - | Phụ cấp cán bộ không chuyên trách, chi hội trưởng | 64.000.000 | 42.400 | 63.957.600 | |
| - | Chi hoạt động | 8.500.000 | | 8.500.000 | |
| 17 | Chi khác ngân sách | 22.318.000 | | 22.318.000 | 100,00 |
| 18 | Chi dự phòng | 118.083.000 | | 0 | |

3. Các nhiệm vụ chi được điều chỉnh, bổ sung trong năm:

Tổng chi bổ sung, điều chỉnh dự toán: **1.096.961.487 đồng**, trong đó:

- Chi cải cách tiền lương: 361.961.487 đồng

- Chi thực hiện CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS: 159.000.000 đồng.

- Chi thực hiện CTMTQG giảm nghèo bền vững: 496.000.000 đồng.

- Chi hỗ trợ thiết chế nhà văn hóa: 80.000.000 đồng.

III. Công tác tổ chức, điều hành ngân sách của UBND xã:

UBND xã đã chủ động, sâu sát chỉ đạo các ban ngành tập trung cao cho công tác thu ngân sách ngay từ đầu năm, huy động các nguồn thu có khả năng thu tập trung nhanh, gộp vào ngân sách; đồng thời tranh thủ nguồn thu bổ sung trợ cấp cân đối, trợ cấp mục tiêu từ ngân sách cấp trên để bổ sung kịp thời cho các nhiệm vụ chi thường xuyên đảm bảo đúng nguyên tắc, đúng các chế độ chính sách hiện hành của Nhà nước.

Về thực hiện dự toán chi ngân sách, UBND xã đã chỉ đạo bộ phận tài chính tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện dự toán, quản lý sử dụng ngân sách theo Luật Ngân sách Nhà nước và quy định của pháp luật.

Điều chỉnh kịp thời các khoản chi chưa thật sự cấp bách; thực hiện khoán chi cho các ban ngành nhằm tạo chủ động từng việc sử dụng ngân sách phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Giải quyết kịp thời kinh phí theo dự toán cho các ngành, đáp ứng các yêu cầu lãnh đạo của cấp uỷ, chính quyền địa phương, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

Phần thứ hai

Dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023

Năm 2024 là năm tiếp tục thực hiện thời kỳ ổn định ngân sách theo luật ngân sách giai đoạn 2022-2025. Các chỉ tiêu thu, chi ngân sách được cân đối trên mặt bằng định mức phân bổ chi ngân sách thường xuyên theo Nghị quyết số 46, 47/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Bắc Giang về phân cấp quản lý ngân sách các cấp chính quyền địa phương và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách các cấp chính quyền địa phương giai đoạn 2022 - 2025.

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Tỉnh, các Quyết định của UBND huyện về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024. UBND xã xây dựng và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024 như sau:

I. Dự toán thu ngân sách Nhà nước năm 2024:

1. Tổng thu ngân sách Nhà nước: **6.425.975.000 đồng.**
2. Tổng thu ngân sách xã: **6.250.975.000 đồng.**
 - 2.1. Thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 372.000.000 đồng (*Điều tiết thu ngân sách xã là 197 triệu đồng*).
 - 2.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 6.053.975.000 đồng
3. Các khoản thu ngoài cân đối ngân sách: **122.311.000 đồng**

| STT | Chỉ tiêu thu | Tỷ lệ điều tiết (%) | Dự toán năm 2024 | |
|------------|---|---------------------|----------------------|----------------------|
| | | | Thu NSNN | Thu NSX |
| | Tổng số thu ngân sách | | 6.425.975.000 | 6.250.975.000 |
| I | Các khoản thu trên địa bàn xã | | 372.000.000 | 197.000.000 |
| 1 | Thuế GTGT+TNDN | 100 | 25.000.000 | 25.000.000 |
| 2 | Thuế thu nhập cá nhân | 50 | 150.000.000 | 80.000.000 |
| 3 | Thu lệ phí trước bạ | 50 | 30.000.000 | 15.000.000 |
| 4 | Lệ phí môn bài | 100 | 10.000.000 | 10.000.000 |
| 5 | Thu phí, lệ phí | 100 | 20.000.000 | 20.000.000 |
| 6 | Thu tiền sử dụng đất | 10 | 100.000.000 | 10.000.000 |
| 7 | Thu khác tại xã | 100 | 35.000.000 | 35.000.000 |
| 8 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 100 | 2.000.000 | 2.000.000 |
| II | Trợ cấp bổ sung từ ngân sách cấp trên | | 6.053.975.000 | 6.053.975.000 |
| 1 | Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên | | 5.613.814.000 | 5.613.814.000 |
| 2 | Thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên | | 440.161.000 | 440.161.000 |
| III | Các khoản thu khác không đưa vào cân đối ngân sách | | | 122.311.000 |
| 1 | Thu quỹ phòng chống thiên tai (<i>Thu từ CBCC xã: 859.000 đồng; Thu từ lao động khác: 8.340.000 đồng</i>) | | | 9.199.000 |
| 2 | Thu phí dịch vụ môi trường | | | 113.112.000 |

II. Dự toán chi ngân sách:

1. Tổng chi ngân sách năm 2024 là: **6.250.975.000 đồng**, trong đó:
 - 1.1. Chi đầu tư XDCB: 10.000.000 đồng
 - 1.2. Chi thường xuyên: 6.117.095.000 đồng
 - 1.3. Dự phòng ngân sách: 123.880.000 đồng
2. Tổng chi ngoài cân đối ngân sách: **113.112.000 đồng**

| STT | Nội dung chi | Dự toán giao năm 2024 | Ghi chú |
|-----|--------------|-----------------------|---------|
|-----|--------------|-----------------------|---------|

| | | | |
|-----------|---|----------------------|---|
| | TỔNG CHI NGÂN SÁCH | 6.250.975.000 | |
| I | Chi đầu tư XDCB | 10.000.000 | |
| II | Chi thường xuyên | 6.117.095.000 | |
| 1 | Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự | 868.665.183 | |
| a | Chi quân sự | 509.111.183 | |
| - | Hoạt động | 37.250.000 | |
| - | Phụ cấp (P.CHT; TĐT; CTV;PCTV...) | 263.013.183 | |
| - | Huấn luyện (76 dân quân) | 208.848.000 | |
| b | Chi an ninh trật tự | 359.554.000 | |
| - | Hoạt động | 28.654.000 | |
| - | Hỗ trợ hàng tháng đội trưởng, đội phó đội dân phòng; Phụ cấp công an viên | 330.900.000 | |
| 2 | Chi sự nghiệp Văn hoá (2 = 2.1 + 2.2+2.3) | 118.163.000 | |
| 2.1 | Hoạt động văn hóa | 48.163.000 | |
| 2.2 | Chi hoạt động cụm dân cư | 50.000.000 | |
| 2.3 | Đời sống văn hoá khu dân cư | 20.000.000 | |
| 3 | Chi sự nghiệp thể dục thể thao | 17.924.000 | |
| 4 | Chi hoạt động trạm đài | 66.600.000 | |
| 5 | Chi sự nghiệp kinh tế | 163.999.000 | |
| 5.1 | Hoạt động nông nghiệp | 20.000.000 | |
| 5.2 | Hoạt động vận tải đường bộ | 143.999.000 | |
| 6 | Chi sự nghiệp Môi trường | 18.290.000 | |
| 7 | Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội | 68.417.000 | |
| 7.1 | Chi thực hiện chính sách người có công với Cách mạng | 31.769.000 | |
| 7.2 | Chi lương hưu | 36.648.000 | |
| 8 | Chi quản lý nhà nước | 2.334.159.887 | |
| | <u>Trong đó:</u> | | |
| 8.1 | Lương cán bộ, công chức | 1.493.879.887 | |
| 8.2 | Phụ cấp Đại biểu HĐND | 152.280.000 | |
| 8.3 | Phụ cấp cán bộ KCT xã | 140.400.000 | |
| 8.4 | Chi hoạt động UBND xã theo định mức | 547.600.000 | |
| | <u>Trong đó:</u> | | |
| - | Thanh toán dịch vụ công cộng (tiền báo: 29,5 trđ; tiền điện: 72 trđ;tiền cước điện thoại, internet: 13,5 trđ) | 115.000.000 | Định mức chi hoạt động thường xuyên: 453,6 trđ; KP đặc thù: 94trđ |
| - | Hoạt động HĐND xã | 50.000.000 | |

| | | | |
|-----------|--|--------------------|--|
| - | Hỗ trợ kinh phí hoạt động cho các tổ chức xã hội (Hội Cựu TNXP; Hội Người mù; Hội nạn nhân CĐDC-Đioxin; Hội Hữu nghị Việt Lào; CLB dân ca Sán Chí; CLB dân ca Nùng: 2 trđ/tổ chức) | 12.000.000 | |
| - | Mua sắm máy vi tính (3 bộ): 41,25 trđ; máy in (2 chiếc): 10,4 trđ | 51.650.000 | |
| - | Sửa chữa tài sản, máy móc, trang thiết bị chuyên dùng | 50.000.000 | |
| - | Chi mua hàng hóa vật tư, văn phòng phẩm | 50.782.000 | |
| - | Chi các khoản khác (Tiếp khách; Công tác phí cho CBCCC đi tập huấn; Hội nghị; hỗ trợ khác....) | 140.000.000 | |
| - | Hợp đồng lao động UBND xã | 63.168.000 | |
| - | Chi hoạt động hòa giải cơ sở | 15.000.000 | |
| 9 | Chi ngân sách Đảng | 967.454.680 | |
| | <u>Trong đó:</u> | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 823.441.680 | |
| - | Chi hoạt động của Đảng | 138.013.000 | |
| - | Kinh phí hoạt động UB kiểm tra Đảng | 6.000.000 | |
| 10 | Mặt trận tổ quốc | 388.042.700 | |
| | <u>Trong đó:</u> | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 343.442.700 | |
| - | Chi hoạt động của ban giám sát cộng đồng | 10.000.000 | |
| - | Chi hoạt động của ban thanh tra nhân dân | 6.000.000 | |
| - | Chi hoạt động UBMTTQ xã | 14.600.000 | |
| - | Kp tổ chức Đại hội nhiệm kỳ 2024-2029 | 14.000.000 | |
| 11 | Đoàn thanh niên | 228.741.050 | |
| | <u>Trong đó:</u> | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 208.641.050 | |
| - | Chi hoạt động | 12.100.000 | |
| - | KP tổ chức Đại hội Hội LHTN nhiệm kỳ 2024-2029 | 8.000.000 | |
| 12 | Hội phụ nữ | 279.575.500 | |
| | <u>Trong đó:</u> | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 267.475.500 | |
| - | Chi hoạt động | 12.100.000 | |
| 13 | Hội nông dân | 208.907.200 | |
| | <u>Trong đó:</u> | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 196.807.200 | |
| - | Chi hoạt động | 12.100.000 | |
| 14 | Hội cựu chiến binh | 225.572.800 | |

| | | | |
|------------|--|--------------------|--|
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| - | Lương và các khoản phụ cấp | 213.472.800 | |
| - | Chi hoạt động | 12.100.000 | |
| 15 | Hội chữ thập đỏ | 33.988.000 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| - | Phụ cấp Chủ tịch hội Chữ thập đỏ | 25.488.000 | |
| - | Chi hoạt động | 8.500.000 | |
| 16 | Hội người cao tuổi | 103.144.000 | |
| | <i>Trong đó:</i> | | |
| - | Phụ cấp cán bộ không chuyên trách, chi hội trưởng | 94.644.000 | |
| - | Chi hoạt động | 8.500.000 | |
| 17 | Chi khác ngân sách | 25.451.000 | |
| - | Chi thực hiện Đề án của 04 đoàn thể (Đoàn TN: 3trđ; Hội Phụ nữ: 5trđ; Hội CCB: 5trđ; Hội Nông dân: 3trđ) | 16.000.000 | |
| - | Quỹ hỗ trợ nông dân | 5.000.000 | |
| - | Chi khác | 4.451.000 | |
| III | Dự phòng ngân sách | 123.880.000 | |
| IV | Chi ngoài cân đối ngân sách | 113.112.000 | |
| - | Chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải trên địa bàn xã năm 2024 | 113.112.000 | |

III. Biện pháp tổ chức quản lý và điều hành ngân sách năm 2024:

Dự toán NSNN năm 2024, được xây dựng theo đúng quy định của Luật NSNN, đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối NSNN năm 2024, Kế hoạch tài chính 5 năm 2022-2025; phù hợp mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm; giai đoạn 2022-2025.

Để chủ động trong công tác quản lý, điều hành ngân sách năm 2024, UBND xã tập trung chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể tổ chức đồng bộ, tập chung vào những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

1. Về nhiệm vụ thu ngân sách:

1.1. Tập chung chỉ đạo quyết liệt thực hiện các biện pháp nhằm tăng thu, chống thất thu ngân sách, phấn đấu hoàn thành và vượt mức dự toán thu NSNN được giao.

1.2. Thường xuyên nắm chắc tình hình sản xuất, kinh doanh của các hộ kinh doanh trên địa bàn để quản lý, thu thuế nhằm tăng thu ngân sách tại địa bàn.

1.3. Tăng cường công tác kiểm tra thu chi ở thôn bản, quyết toán hàng năm kịp thời, để kịp thời thu ngay các khoản phải nộp vào ngân sách xã.

1.4. Thu tiền sử dụng đất phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng của huyện quy hoạch khu dân cư đầu giá đất, các bộ phận chuyên môn của xã chủ động đề xuất với UBND tổ chức thu triệt để các hộ chuyển mục đích sử dụng, cấp mới đất ở để tăng thu tiền vào NSNN.

1.5. Tăng cường tuyên truyền, phối hợp, tổ chức thực hiện nghiêm quy trình quản lý thu thuế, rà soát ngay từ đầu năm các chỉ tiêu giao thu; các nguồn thu chưa khai thác triệt để, kịp thời, đảm bảo thu đúng, thu đủ các nguồn thu vào ngân sách.

2. Về nhiệm vụ chi ngân sách:

2.1. Chi đầu tư xây dựng cơ bản: Ưu tiên chi trả nợ các công trình đã xây dựng đưa vào sử dụng, tăng cường thu tiền sử dụng đất, tranh thủ các nguồn vốn khác để chi xây dựng các công trình, dự án mới.

2.2- Về chi thường xuyên:

- Điều hành chi NSNN theo dự toán được giao. Tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; giảm các nội dung chi chưa cần thiết; bố trí kinh phí mua sắm trang thiết bị chặt chẽ, đúng quy định; hạn chế bổ sung chi ngân sách cho chi thường xuyên, chỉ bổ sung chi cho những chính sách đảm bảo đúng quy định.

- Tăng cường công tác quản lý, điều hành ngân sách, kiểm tra về định mức, chế độ chi tiêu đối với nguồn kinh phí đã giao khoán cho các ban ngành, đoàn thể.

- Quan tâm thực hiện các chính sách đảm bảo an sinh xã hội; thực hiện chi trả kịp thời và đầy đủ các chế độ, chính sách như chế độ tiền lương, tiền công, hỗ trợ tiền điện hộ nghèo...

- Tích cực động viên, huy động và khai thác các khoản đóng góp tự nguyện của nhân dân theo quy định để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng, góp phần thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

- Triển khai thực hiện nghiêm các quy định của Luật đầu tư công; khắc phục tình trạng nợ đọng XD CB; tập trung xử lý dứt điểm các dự án đã hoàn thành nhưng chưa quyết toán; thực hiện thanh quyết toán kịp thời các công trình xây dựng đã được ghi trong kế hoạch, ưu tiên thanh toán cho các công trình nợ đọng, công trình chuyển tiếp và những công trình đã được bố trí kế hoạch vốn.

- Tăng cường quản lý, tránh thất thoát, lãng phí NSNN, nhất là quản lý chặt chẽ về đầu tư các công trình XD CB.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023; xây dựng dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Kiên Lao./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- Đại biểu HĐND (B/c)
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lý Văn Đăng